TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng.
2. Bà Trần Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 -Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn BC, xã KB, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang). Chỗ ở hiện nay: Thôn LĐ, xã TP, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn BC, xã KB, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q được tự do tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật. Đến năm 2006 chị C và anh Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi chung sống và kết hôn vợ chồng sống tại thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu chị C và anh Q sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị C cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về kinh tế gia đình, anh Q không tu chí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên chị C và anh Q đã sống ly thân từ cuối năm 2022, hiện chị C đã đi làm công nhân xa nhà còn anh Q vẫn sinh sống tại thôn BC, xã KB, hiện nay giữa vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mai H, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 13/3/2009. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Hoàng Mai H hiện nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Q và chị Ma Thị C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2006 anh Q và chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi chung sống và kết hôn vợ chồng sống tại thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn, cho đến khoảng tháng 11 năm 2021 thì anh Q và chị C cùng nhau đi làm công ty ở ngoài địa pH, sau đó một thời gian ngắn thì chị C bỏ đi nơi khác ở không còn chung sống cùng anh Q, chị C đã chặn mọi liên lạc nên anh Q không thể liên lạc được với chị C, anh Q và chị C đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn do đã sống ly thân từ nhiều năm nay, chị C xin ly hôn anh Q không nhất trí ly hôn với lý do cháu K còn nhỏ hiện đang học lớp 11 chờ đến khi cháu K học xong lớp 12 anh Q mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Mai H, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 13/3/2009. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với

cháu K hiện đang sống cùng anh Q trong trường hợp phải ly hôn anh Q nhất trí giao cháu K cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục với điều kiện chị C phải đón cháu K đi sống cùng và tự nuôi cháu K, anh Q không cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 14/8/2025 cháu Hoàng Ngọc K trình bày sau khi chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì. Anh Hoàng Văn Q có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã nêu trong biên bản lấy lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị C, cho chị Ma Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 13/3/2009 cho chị Ma Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Hoàng Mai H, sinh ngày 28/11/2006 hiện nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q đều xác định tự thỏa thuận, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q đều không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn Q, anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn BC, xã KB, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Hoàng Văn Q có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã KB, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị C và anh Q chung sống tại thôn BC, xã KB, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị C cho rằng giữa chị và anh Q bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về kinh tế gia đình, anh Q không tu chí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị Ma Thị C xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn Q. Anh Hoàng Văn Q xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như chị C trình bày, còn về nguyên nhân mâu thuẫn anh Q cho rằng giữa anh và chị C không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến cuối năm 2021 thì chị C tự ý bỏ đi không chung sống cùng anh nữa và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, anh Q xác định mặc dù vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu nhưng anh Q không nhất trí ly hôn do hiện nay cháu Ngọc K chưa đủ 18 tuổi nên chưa nhất trí ly hôn với chị Ma Thị C.

Qua quá trình xác minh tại địa pH, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù có mâu thuẫn trong lời khai giữa nguyên đơn và bị đơn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời điểm sống ly thân nhưng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh

Q là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Q thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, giữa chị C và anh Q hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa, anh Q không nhất trí ly hôn vì cho rằng cần có thời gian để các con trưởng thành, việc anh Q không nhất trí ly hôn không phải xuất phát từ sự yêu tH thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị C cho chị C được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q có 02 con chung là cháu Hoàng Mai H, sinh ngày 28/11/2006 và cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 13/3/2009. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh Q nhất trí giao cháu K cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Hoàng Mai H hiện nay đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q đều xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Văn Q đều xác định không yêu cầu giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ma Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị C, cho chị Ma Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 18/9/2006 tại UBND xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - Nay là UBND xã KB, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 13/3/2009 cho chị Ma Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000227, ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã KB;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh